

Bản án số: **88/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài.

Bà Trần Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Tuyết H, sinh năm 1977 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Sử Thanh T, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 4, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lâm Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Tuyết H và anh Sử Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay đã mất Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau; anh T xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm chị H. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Sử Phương D (nữ), sinh ngày 12-11-1997 và Sử Hạnh D, sinh ngày 11-11-2005; hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, nguyện vọng con sống với ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị H và anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; quá trình chung sống không có nợ người khác và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 29-6-2018, bị đơn là anh Sử Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác định anh và chị H chung sống khoảng 22 năm và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, con chung theo ai thì người đó tiếp tục nuôi dưỡng; anh không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh T xin vắng mặt tại các lần hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 21-6-2018, cháu Sử Hạnh D có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Lâm Tuyết H, vì mẹ cháu có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu và sống với mẹ có điều kiện đi học thuận lợi hơn sống với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29-6-2018, anh Sử Thanh T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Tuyết H xác định chị và anh Sử Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M nhưng không cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn, cũng như tài liệu chứng cứ chứng minh đương sự đã thực hiện các thủ tục đăng ký kết hôn. Hơn nữa, tại đơn xin xác nhận ngày 22-5-2018 UBND xã N, huyện M xác định chị H và anh T từ khi chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định chị H và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy chị H và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có căn cứ xác định đã đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Sử Phương D (nữ), sinh ngày 12-11-1997 và Sử Hạnh D, sinh ngày 11-11-2005; hiện đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, Phương D đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất,

khả năng nhận thức bình thường, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không đặt ra xem xét. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hạnh D, anh T cho rằng nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Hạnh D được tiếp tục chung sống với mẹ là chị H nên cần giao cháu Hạnh D cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị H không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Sau khi ly hôn, chị H và anh T tự thỏa thuận phân tài sản chung và anh, chị thống nhất xác định trong quá trình chung sống không có nợ người khác và không ai nợ lại nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí: Chị Lâm Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị H, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lâm Tuyết H và anh Sử Thanh T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Sử Hạnh D (nữ), sinh ngày 11-11-2005 cho chị Lâm Tuyết H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Sử Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lâm Tuyết H và anh Sử Thanh T tự thỏa thuận.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Tuyết H phải chịu 300.000 đồng, ngày 22 tháng 5 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011979 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lâm Tuyết H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Sử Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út